

Số: 654/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 21 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao
giai đoạn 2019-2020 tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 1345/BNN-VPĐP ngày 08/02/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn xây dựng và triển khai kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Kiên Giang tại Tờ trình số 05/TTr-VPĐP ngày 22 tháng 01 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2019-2020 tỉnh Kiên Giang, với nội dung như sau:

- Xã nông thôn mới nâng cao là xã đã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định và đáp ứng thêm các tiêu chí nông thôn mới nâng cao (*bộ tiêu chí kèm theo*).

Điều 2. Nhiệm vụ của các sở ngành cấp tỉnh và địa phương

1. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh



- Phối hợp các sở, ban ngành tỉnh cập nhật các văn bản hướng dẫn mới của Trung ương triển khai đến các địa phương biết thực hiện.

- Theo dõi, tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) việc điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí cho phù hợp với điều kiện địa phương.

2. Các sở, ban ngành cấp tỉnh: Căn cứ chức năng quản lý nhà nước của đơn vị, chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, thẩm định và công nhận các địa phương thực hiện nội dung tiêu chí do ngành mình phụ trách.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Căn cứ Bộ tiêu chí này và văn bản hướng dẫn của các sở ngành cấp tỉnh, chỉ đạo phân công các ngành cấp huyện, UBND các xã tổ chức thực hiện. Đồng thời, báo cáo kết quả theo định kỳ về Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh (thông qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh).

Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ và thẩm quyền xét, công nhận, công bố xã nông thôn mới nâng cao theo quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các ban, ngành cấp tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *Quê*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thành viên BCD các CT MTQG tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P. KTCN, P. TH;
- Lưu: VT, cvquoc (01b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thanh Bình

**BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
GIAI ĐOẠN 2019-2020 TỈNH KIÊN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2019
của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Quy hoạch	1.1. Quản lý và tổ chức thực hiện đúng quy hoạch chung xây dựng xã; thường xuyên rà soát, bổ sung quy hoạch phù hợp với thực tế địa phương	Đạt	
		1.2. Không có tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về quản lý quy hoạch chung xây dựng xã	Đạt	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ Km đường trục ấp được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải	$\geq 60\%$	Quy mô đạt cấp B theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải
		2.2. Tỷ lệ Km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện	20%	Nơi nào có điều kiện thì thực hiện, không bắt buộc
		2.3. Thực hiện quản lý, sử dụng, duy tu, bảo trì, nâng cấp đảm bảo hiệu quả sử dụng các công trình giao thông	Đạt	
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động	$\geq 85\%$	
		3.2. Tỷ lệ công, đập trạm bơm được kiên cố hóa theo quy hoạch	$\geq 70\%$	
4	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	$\geq 85\%$	
5	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn	$\geq 1,2$ lần	So với quy định tại thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới
6	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	$\leq 0,5$ lần	So với quy định vùng
7	Tổ chức sản xuất	7.1. Có ít nhất 01 Hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã năm 2012 hoạt động có hiệu quả và được nhân rộng; đồng thời thực hiện liên kết sản xuất theo	Đạt	



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Ghi chú
		chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch, ... của địa phương		
		7.2. Thực hiện cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực; có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ	Đạt	
8	Giáo dục và Đào tạo	8.1. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3; Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt	
		8.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	≥85%	
		8.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥65%	
9	Y tế	9.1. Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế cho người dân được đảm bảo	Đạt	
		9.2. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch.	Đạt	
		9.3. Không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người	Đạt	
10	Văn hóa	10.1. Chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được bảo đảm, thu hút nhiều người dân tham gia	Đạt	
		10.2. Bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống địa phương	Đạt	
		10.3. Xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, dân chủ, đoàn kết, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo từ thiện	Đạt	
11	Môi trường	11.1. Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho hộ dân trên địa bàn xã	100%	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Ghi chú
		11.2. Cảnh quan, không gian nông thôn sáng – xanh - sạch - đẹp, trên 70% số hộ dân chính trang hàng rào cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh	Đạt	
		11.3. Có mô hình phân loại rác tại nguồn hoặc mô hình thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt	Đạt	
		11.4. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có) phải được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh phù hợp bao bọc xung quanh	Đạt	
		11.5. Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo đúng quy định	70%	
		11.6 Thực hiện hiệu quả các giải pháp, phương án bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu	Đạt	
12	Hành chính công	12.1 Cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định	Đạt	
		12.2 Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở.	Đạt	
		12.3 Các ấp có xây dựng và thực hiện hiệu quả các quy ước cộng đồng.	Đạt	
		12.4 Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ.	Đạt	
13	An ninh trật tự	An ninh trật tự được đảm bảo; nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	

